

Mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và trạng thái nghèo:

Tổng quan tư liệu và hàm ý cho Việt Nam

Phạm Minh Thái

Trung tâm Phân tích và Dự báo

Bài viết trong khuôn khổ đề tài cấp cơ sở năm 2017 của Trung tâm Phân tích và Dự báo "Mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và trạng thái nghèo ở Việt Nam"

Việt Nam đang trong giai đoạn tăng trưởng ổn định đồng thời với giai đoạn tái cấu trúc nền kinh tế, do đó các bối cảnh kinh tế sẽ có nhiều thay đổi. Điều này đúng với bối cảnh thị trường lao động cũng như bối cảnh giảm nghèo ở Việt Nam. Mặc dù thành tựu giảm nghèo của Việt Nam được thế giới ca ngợi với tỷ lệ nghèo giảm nhanh chóng từ 58,1% vào năm 1993 xuống còn 9,6% vào năm 2012, nhờ đó khoảng hơn 30 triệu người Việt Nam đã thoát khỏi tình trạng nghèo, việc tiếp tục giảm nghèo vẫn là một nhiệm vụ trọng tâm trong giai đoạn tiếp theo.

1. Mở đầu

Khu vực phi chính thức đã và đang đóng vai trò to lớn trong tạo việc làm cho người lao động Việt Nam. Khoảng một nửa việc làm phi nông nghiệp do khu vực này cung cấp (Phạm Minh Thái và Doumer, 2017). Điều này có tác động tích cực đến giảm nghèo vì khu vực này đã tạo cơ hội cho các hộ gia đình có việc làm và thu nhập.

Các nghiên cứu cũng cho thấy việc làm hay không làm của các thành viên trong hộ gia đình ở khu vực phi chính thức với trạng thái nghèo của hộ gia đình có mối quan hệ tương tác với nhau, trong khuôn khổ chặt chẽ với sinh kế của hộ. Việc làm ở khu vực kinh tế phi chính thức được coi là bất lợi so với một số khu vực khác trên nhiều khía cạnh như thu nhập và tính ổn định. Điều này đến lượt nó sẽ tác động đến trạng thái nghèo của hộ gia đình. Ngược lại, trạng thái nghèo có thể ảnh hưởng đến sinh kế hộ, do đó tác động đến khả năng làm việc ở khu vực kinh tế phi chính thức của các thành viên trong hộ. Do đó, việc phân tích mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và tình trạng nghèo là rất cần thiết đối với Việt Nam.

2. Tổng quan về mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và trạng thái nghèo

Có khá nhiều nghiên cứu trên thế giới về mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và trạng thái nghèo, đặc biệt tại các nước đang phát triển. Theo đó những kết quả nghiên cứu được chia thành hai nhóm với một nhóm cho rằng mối quan hệ giữa hai hiện tượng này là không rõ ràng (Heckman và Sedlacek (1985); Gindling (1991); Magnac (1991); Pralap và Quintin (2006)) trong khi nhóm còn lại thì khẳng định mối quan hệ tương quan dương giữa hai hiện tượng này (Kingdon và Knight (2007); Cunningham và Maloney

(2001); Paulson và Townsend (2005); Gunther và Launov (2012); Harati (2013)). Mặc dù vậy, những bằng chứng thực nghiệm cho thấy các kết quả nghiên cứu phân lớn nghiêng về quan điểm của nhóm thứ hai. Theo đó, nghèo đói và việc làm phi chính thức thường được coi là hai hiện tượng có tương quan với nhau, rất nhiều nghiên cứu thực nghiệm đã chỉ ra rằng việc làm phi chính thức có tác động nhân quả (causal impact) tới tình trạng nghèo của hộ gia đình. Ngược lại, một số nghiên cứu khác lại chỉ ra rằng tình trạng nghèo của hộ gia đình có tác động đảo ngược (reverse causality) tới kinh tế phi chính thức. Tuy nhiên, những nghiên cứu này chỉ phân tích tác động theo từng chiều riêng lẻ. Có rất ít nghiên cứu kiểm soát đồng thời mối quan hệ hai chiều giữa trạng thái nghèo và kinh tế phi chính thức. Mặt khác, những nghiên cứu này cũng chỉ khai thác số liệu chéo (cross-section data) với mô hình kinh tế lượng tĩnh để phân tích. Những phân tích như vậy sẽ không kiểm soát được các yếu tố không quan sát được nhưng có tác động đồng thời tới cả hai quá trình cùng một lúc. Hơn thế nữa, phân tích mối quan hệ hai chiều giữa trạng thái nghèo và kinh tế phi chính thức sẽ là một thách thức lớn bởi yếu nội sinh và do đó phân tích tĩnh với số liệu chéo khó có thể giải quyết được vấn đề nội sinh này.

Nghiên cứu về mối quan hệ động giữa kinh tế phi chính thức và nghèo đói của Devicienti, Groisman và Poggi năm 2009 đã sử dụng mô hình probit hiệu ứng ngẫu nhiên động (bivariate dynamic random effect probit model) với số liệu mảng (panel data) ở Argentina đã chỉ ra rằng cả việc làm phi chính thức và tình trạng nghèo là những quá trình có tính ổn định cao (highly persistent process) ở cấp độ cá nhân và cả hai quá trình này có mối quan hệ tương quan động với nhau. Trong nghiên cứu này, các tác giả sử dụng các đặc điểm nhân khẩu học của chủ hộ để đại diện cho

hộ gia đình. Kume và Trebicka (2016) cũng tìm ra kết quả tương tự đối với Albania khi tìm thấy bằng chứng thực nghiệm rằng có mối quan hệ giữa trạng thái nghèo của hộ gia đình với việc làm của chủ hộ trong khu vực phi chính thức và hai quá trình này đồng thời diễn ra trên thị trường lao động rất năng động.

Khi phân tích mối quan hệ giữa nghèo đói và kinh tế phi chính thức, có hai quan điểm khác nhau khi xem xét nguyên nhân dẫn tới việc một cá nhân quyết định tham gia làm công việc phi chính thức.

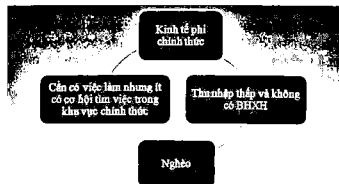
Theo quan điểm từ phía cung (supply-led view), người lao động tự nguyện lựa chọn làm việc trong khu vực phi chính thức dựa trên năng suất lao động và sở thích (preferences) của mỗi người (Devicienti, Groisman và Poggi, 2009). Cùng có quan điểm này, Cing và các cộng sự (2010) sử dụng số liệu HB và IS ở HN và HCMC năm 2007-2008 chỉ ra rằng gần 50% chủ hộ KDCT lựa chọn việc làm phi chính thức vì có thu nhập cao hơn và có sự độc lập trong việc làm của họ, do vậy việc lựa chọn việc tự làm (self employment) có thể không phải là một lựa chọn bất lợi đối với người lao động.

Ngược lại, theo quan điểm từ phía cầu (demand-led view), người lao động làm việc trong khu vực phi chính thức do tác động của việc họ bị thiếu cơ hội để có thể tham gia vào các việc làm chính thức. Theo khía cạnh đó, người lao động làm việc trong khu vực phi chính thức chủ yếu bị dẫn dắt bởi cầu từ phía các doanh nghiệp đối với lao động giá rẻ cũng như nhu cầu của bản thân người lao động về việc phải đảm bảo các nhu cầu tối thiểu của gia đình họ (Devicienti, Groisman và Poggi, 2009; Kume và Trebicka, 2016). Amuedo-Dorantes (2004) cũng cùng quan điểm này khi cho rằng người lao động buộc phải đưa ra quyết định làm việc trong khu vực phi chính thức vì họ không có khả năng chi trả cho những nhu cầu tối thiểu của gia đình như thức ăn, quần áo, nhà ở và nhiên liệu cần thiết đồng thời những người này cũng gặp phải những khó khăn khi tìm việc trong khu vực chính thức. Nghiên cứu của ông kết luận rằng tình trạng nghèo đói của hộ gia đình dẫn tới thành viên của hộ buộc phải làm việc trong khu vực phi chính thức và ngược lại việc thành viên của hộ làm việc trong khu vực phi chính thức làm tăng xác suất bị rơi vào tình trạng nghèo của hộ gia đình.

Sự khác nhau cơ bản trong hai cách tiếp cận trên là trong khi tiếp cận từ phía cung cho rằng người lao động chủ động và tự nguyện lựa chọn công việc trong khu vực phi chính thức theo sở thích của họ thì tiếp cận từ phía cầu lý giải rằng người lao động bị bắt buộc phải lựa chọn như vậy, và đây có thể là một nhân tố quan trọng lý giải cho mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và tình trạng nghèo đói của hộ gia đình. Williams (2014) cũng chia sẻ quan điểm này khi nhận định rằng những người sống trong nghèo đói có xu hướng tham gia vào kinh tế phi chính thức, tuy nhiên thu nhập từ việc làm phi chính thức thấp hơn những việc làm khác đồng nghĩa với việc kinh tế phi chính thức củng cố tình trạng yếu thế của họ.

Ở hầu hết các nước đang phát triển ở khu vực Châu Á, đô thị hóa đi kèm với các khu nhà ở chui và nhà ổ, không chính thức, điều kiện sống ngày càng tồi tệ và tăng nguy cơ do biến đổi khí hậu và các hình thức đô thị loại trừ. Theo UN-HABITAT, Châu Á chiếm tới 60% tổng số người sống ở khu ổ chui của thế giới. Tình trạng đói nghèo và phi chính thức trong công việc ở các thành phố và thị trấn ở Châu Á rất cao. Theo tổ chức lao động quốc tế ILO, trong quá trình đô thị hoá, sự tăng trưởng của khu vực kinh tế phi chính thức hầu như không thể tránh khỏi bởi nền kinh tế phi chính thức đã và đang tạo công việc chính cho người lao động. Smolka (2003) cũng chỉ ra mối liên hệ giữa làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức với đói nghèo. Xuất phát từ thực tế là các lao động làm việc trong khu vực kinh tế phi chính thức có thu nhập thấp hơn rất nhiều so với những người làm việc trong khu vực chính thức - những lao động này bao gồm những người buôn bán nhỏ trên đường phố, người thu gom rác thải, các nhà cung cấp dịch vụ vận tải phi chính thức và làm việc phi chính thức trong các công trình xây dựng.

Liên quan đến mối liên hệ giữa khu vực phi chính thức và trạng thái nghèo ở Việt Nam, Cing và cộng sự (2009) là những người duy nhất kiểm tra liên kết này. Họ nhận thấy rằng các hộ nghèo có xu hướng tham gia cao hơn vào khu vực kinh tế phi chính thức, và tỷ lệ này tăng từ 31% ở nhóm giàu nhất lên 87% vào năm 2004. Tuy nhiên, đối với các vùng kinh tế khác nhau, tỷ lệ phi chính thức không đồng nhất với tình trạng nghèo của các vùng, nghĩa là vùng nghèo nhất không phải là vùng có tỷ lệ phi chính thức cao nhất. Điều này được giải thích bởi thực tế là sự phi chính thức tập trung nhiều ở các khu vực phát triển, đô thị và ngoại ô. Các tác giả kết luận rằng mặc dù giảm nghèo là một câu hỏi quan trọng về chính sách ở Việt Nam, mối liên kết giữa phi chính thức và đói nghèo gần như hoàn toàn bị bỏ qua trong các nghiên cứu. Cing và cộng sự (2011) nhấn mạnh thêm rằng các chính sách mục tiêu cần được thiết kế và thực hiện để đối phó với thực tế, là đói nghèo đang dần thay đổi và bây giờ là một hiện tượng đô thị và phi chính thức.



Nguyễn Thị Minh Hiếu và cộng sự (2015) đã sử dụng số liệu chéo của điều tra mức sống dân cư (VHLSS) năm 2010 để trả lời câu hỏi liệu kinh tế phi chính thức có giúp giảm nghèo ở Việt Nam không và nếu có thì cơ chế hoạt động như thế nào. Sử dụng phương pháp biến công cụ cho mô hình Probit và mô hình Quantile, các tác giả chỉ ra rằng khu vực kinh tế phi chính thức làm tăng tỷ lệ nghèo trong khi các hoạt động nhận lương từ khu vực phi chính thức giúp giảm tỷ lệ nghèo trong các hộ gia đình. Hơn thế nữa, tác động của kinh tế phi chính thức tới thu nhập của hộ gia đình là khá mạnh đối với nhóm thu nhập thấp và không có tác động nhiều tới nhóm hộ gia đình có thu nhập cao. Trong nghiên cứu này, các tác giả đã cố gắng kiểm soát và khắc phục vấn đề nội sinh hóa bằng việc sử dụng biến công cụ. Tuy nhiên, số liệu chéo không giúp cho việc kiểm soát các yếu tố không quan sát được trong mô hình nghiên cứu. Như vậy, nghiên cứu về mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và trạng thái nghèo ở Việt Nam chủ yếu do nhóm của Cling và các cộng sự (2010, 2011), Nguyễn Thị Minh Hiếu và cộng sự (2015). Tuy nhiên, các nghiên cứu này mới chỉ dừng lại ở việc phân tích tính với số liệu chéo trong 1 năm nên gặp khó khăn trong việc kiểm soát các yếu tố không quan sát được trong mô hình kinh tế lượng.

3. Hàm ý cho Việt Nam

Nghiên cứu về mối quan hệ giữa kinh tế phi chính thức và trạng thái nghèo trên thế giới phần lớn được tập trung ở các nước đang phát triển và có sự khác biệt khá nhiều trong các kết quả nghiên cứu. Theo đó, các kết quả tập trung theo hai xu hướng rõ nét là hai hiện tượng này không có mối tương quan nào hoặc có mối tương quan dương. Việc tìm ra được mối tương quan hay không tương quan giữa hai hiện tượng này có ý nghĩa rất thiết thực trong việc thiết kế chính sách cũng như các giải pháp cụ thể nhằm giảm nghèo bền vững với Việt Nam. Nếu hai hiện tượng này có mối tương quan với nhau nghĩa là việc tham gia vào khu vực phi chính thức của người lao động có tác động tới xác suất rơi vào trạng thái nghèo của hộ gia đình và ngược lại thì cần phải có chính sách để cải thiện thu nhập cũng như điều kiện làm việc ở khu vực phi chính thức để từ đó đảm bảo cho việc giảm nghèo bền vững ở Việt Nam.

Hơn thế nữa, trong khi trạng thái nghèo dựa trên hoặc thu nhập hoặc chi tiêu so với mức chuẩn nghèo chỉ được đo lường ở cấp độ hộ gia đình, thông tin về trạng thái việc làm, các đặc điểm cá nhân cũng như ngành nghề làm việc chỉ có thể đo lường ở cấp cá nhân chứ không thể áp dụng cho cấp hộ gia đình. Chính vì vậy, để có thể kiểm chứng được mối quan hệ giữa trạng thái nghèo và kinh tế phi chính thức, nhiều nghiên cứu đã sử dụng chủ hộ là đại diện cho hộ gia đình. Lý do chính cho việc lựa chọn này là các tác giả

giả định rằng chủ hộ là người có vai trò quan trọng nhất trong việc ra các quyết định quan trọng trong hộ, đồng thời họ cũng là những trụ cột trong gia đình. Tuy nhiên ở Việt Nam, điều đó không hoàn toàn đúng đối với các chủ hộ. Phần lớn chủ hộ là nam giới và đôi khi họ chỉ đứng tên là chủ hộ phục vụ cho quản lý hành chính. Hơn thế nữa, nghiên cứu của Chen, Vanek và Heintz (2006) chỉ ra rằng những hộ gia đình có thu nhập chủ yếu phụ thuộc vào thu nhập từ việc làm phi chính thức có tỷ lệ nghèo cao hơn đáng kể so với những hộ gia đình có thu nhập chủ yếu từ việc làm chính thức. Chính vì vậy, nghiên cứu mối quan hệ này ở Việt Nam nên áp dụng đặc điểm cá nhân của cả chủ hộ và người có thu nhập cao nhất trong hộ để đại diện cho hộ gia đình./.

Tài liệu tham khảo

Canelas, C., (2015) "Poverty and Informality in Ecuador", WIDER Working Paper 2015/112. United Nation University World Institute for Development Economics Research.

Cuong Viet Nguyen and Anh Tran (2014), "Poverty Identification: Practice and Policy Implications in Vietnam". Asian Pacific Economic Literature, Crawford School of Economics and Government, The Australian National University, Canberra and Wiley Publishing Asia Pty Ltd. 2014.

Devicienti, F., Groisman, F., và Poggi, A., (2009). "Informality and Poverty: Are these Processes Dynamically Interrelated? Evidence from Argentina". Society for the Study of Economic Inequality (ECINEQ) Working Paper 146-2009.

Kume, E., và Trebicka, B., (2016). "Is There any Connection Between Poverty and Informality?". International Journal of Economics, Commerce and Management, Vol. IV, Issue 2, Feb 2016. ISSN 2348 0386.

Phạm Minh Thái và Laure Pasquier-Doumer (2017), "Sự phát triển của khu vực phi chính thức và hộ kinh doanh cá thể ở Việt Nam trong thời kỳ tăng trưởng và tự do hóa thương mại", Trong "Vai trò của các hộ kinh doanh cá thể và khu vực phi chính thức ở Việt Nam", Chủ biên, Laure Pasquier-Doumer, Xavier Oudin và Nguyễn Thắng, Nhà xuất bản thế giới.

TCTK (2017). "Báo cáo lao động phi chính thức năm 2016"